

## NGUYỄN QUAN QUANG – VỊ TRẠNG NGUYÊN ĐẦU TIÊN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

*Nguyễn Quan Quang- vị Trọng nguyên của nước Đại Việt làm tướng giặc nể sợ.*

Trong lịch sử thi cử Nho học ở Việt Nam, kể từ khoa thi đầu tiên vào năm Ất Mão (1075) dưới triều vua Lý Nhân Tông, trải qua hơn 150 năm, đến năm 1239 dưới triều vua Trần Thái Tông (niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 8) có 5 kỳ thi Đại khoa; nhưng cả triều Lý và triều Trần đều chưa lấy đậu Trọng nguyên. Các vị đỗ đầu các kỳ thi đó như: Lê Văn Thịnh, Mạc Hiến Tích, Bùi Quốc Khái, Trương Hanh và Lưu Miễn chỉ được lấy đỗ đầu nhất giáp.

Mãi tới khoa thi thứ 6 (khoa Đại tử thủ sĩ) vào năm Bính Ngọ (1246), niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 15, đời vua Trần Thái Tông mới có danh hiệu Tam khôi gồm: Trọng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa. Trong kỳ thi này, Nguyễn Quan Quang đã đậu Trọng nguyên; Phạm Văn Tuấn đậu Bảng nhãn; Vương Hữu Phùng đậu Thám hoa. Như vậy Nguyễn Quan Quang chính là vị Trọng nguyên đầu tiên của nước Đại Việt.

Nguyễn Quan Quang quê gốc xã Tam Sơn, huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc (nay thuộc xã Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Sinh ra trong một nhà nông nghèo, không đủ gạo tiền để theo học, nhưng với bản tính vốn ham học hỏi, Nguyễn Quan Quang thường lân la ngoài cửa lớp nghe thầy dạy bọn học trò trong làng học sách Tam tự kinh. Tuy chỉ nghe lỏm nhưng cậu bé Quan Quang ngồi ngay trước sân dùng gạch non (vì không có giấy mực đi học như bọn trẻ trong lớp) viết chữ xuống nền gạch. Nét chữ của cậu rất đẹp. Một hôm, tan buổi học, thầy đồ chợt nhìn thấy sân nhà có rất nhiều nét chữ như rồng bay, phượng múa. Thầy kinh ngạc và nói rằng: “đây mới chính là trò giỏi”. Nói rồi, thầy cho gọi Quan Quang vào lớp và thu nhận làm học trò của thầy.

Nguyễn Quan Quang nổi tiếng thông minh học một biết mười. Chẳng bao lâu, ông đã thông kinh, thuộc sử, ứng khẩu thành thơ, luận bàn việc đời thông thái uyên thâm. Ông dự kỳ thi Hương, đậu luôn giải Nguyên. Đến kỳ thi Hội lại đỗ luôn Hội nguyên. Khi vua Trần Thái Tông mở khoa thi Đại tử Thủ sĩ, ông đậu luôn Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh ( tức Trọng nguyên). Người đương thời khi đó đều gọi Nguyễn Quan Quang là “ông Tam nguyên”.

Sau khi ra làm quan, gặp lúc quân Mông Cổ tiến đến biên giới, chuẩn bị xâm chiếm Đại Việt. Vua ra chiếu cử Nguyễn Quan Quang sang thương nghị. Viên

tướng Mông Cổ muốn dùng uy để chế áp ông, nhân đi qua ao bèo, bèn vớt một cây bèo lên, nắm gọn trong lòng bàn tay rồi bóp nát. Nguyễn Quan Quang hiểu ý viên tướng Mông Cổ tỏ ý xem thường Đại Việt như những cánh bèo non yếu chỉ cần khẽ đánh là tan, vì vậy ông liền nhặt một hòn đá to, rồi ném xuống giữa ao. Bèo dạt ra một khoảng trống, nhưng chỉ giây lát sau những cánh bèo lại tụ lại kín mặt ao. Tướng Mông Cổ hiểu được thâm ý của ông: Người Việt bao giờ cũng đoàn kết toàn dân để bảo vệ giang sơn, không một sức mạnh nào có thể khuất phục được. Chính vì thế, viên tướng Mông Cổ phải hoãn binh, không dám tiến quân sang



ngay.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ lần thứ nhất (1258), Trạng nguyên Nguyễn Quan Quang có nhiều công hiến lớn. Ông được vua Trần Thái Tông phong đến chức Bộ xạ ( tương đương chức Tể tướng). Khi làm quan, ông quan xuất thân từ gia đình nông dân nghèo khó đó hết lòng vì dân, vì nước, thanh liêm, trung thực. Ông được cả trong triều cũng như dân chúng mến phục vì đức và tài vẹn toàn. Ông lấy vợ tên là Tuyên Huệ phu nhân. Ở kinh sư một thời gian, thì ông từ quan về quê. Ông lui về quê hương mở trường dạy chữ cho cả con nhà nghèo. Ông sống một cuộc đời thanh đạm như người đi tu. Người dân Tam Sơn cho rằng: ông là người khai sáng việc học của quê hương, mở đường cho đất Ba Gò sau này có một “kho nhân tài”. Yêu mến, cảm phục ông, nơi Nguyễn Quan Quang dạy học được dân làng dựng lên một ngôi chùa để tưởng nhớ đến ông- một

người sống như tu. Chùa mang tên Linh Khánh. Ngôi chùa ấy ngày nay không còn nữa, nhưng vẫn còn một cây hương tạc bằng đá vào năm Chính Hòa thứ 18 (1697). Nội dung ghi trên bia nói về công đức của trạng nguyên Nguyễn Quan Quang với dân làng. Sau khi ông mất, dân làng lập đền thờ ông trên núi Viêng. Họ thờ ông làm Thành Hoàng, gọi là Bản thổ Thành Hoàng, Đại vương Phúc Thần. Triều đình cũng truy phong ông là Đại tư không.

Hàng năm cứ vào dịp 22 tháng chạp âm lịch, dân làng lại tổ chức “ Tế phong mã” để tưởng nhớ vị Trạng nguyên tài năng và ân đức của quê hương Kinh Bắc. Âu cũng là để nhắc nhở các thế hệ trẻ tiếp nối truyền thống hiếu học và yêu nước, thương dân của vị Trạng nguyên đầu tiên nước Đại Việt.